TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

*- Bản án số:**123**/2023/HNGĐ-ST*
- Ngày 05 tháng 05 năm 2023
- V/v: " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Liễu**
- Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Trịnh Cao Nhẫn**
2. Bà **Trần Thị Kim Duyên**

- Thư kY phiên tòa: Ông **Nguyễn Huỳnh Thanh Tùng**- Thư kY Tòa án nhân dân thị xã Gò Công.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Phong**.

Ngày 05 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công - Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lY số: 294/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên *đơn*: Chị **Trần Thị Thu T**, sinh năm 1990 (Xin vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp 3, xã TA , huyện C Đ, tỉnh L A;
- Bị đơn: Anh **Phạm Thành C**, sinh năm 1985 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp M X, xã TTr, thị xã G C, tỉnh T G.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

** Theo đơn xin ly hôn và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị Thu T trình bày:* Chị và anh Phạm Thành C tự nguyện tiến đến hôn nhân có đăng kY kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An năm 2019. Quá trình chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2022 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm trong cuộc

sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Thành C.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Trần Như Q, sinh ngày 23/4/2016 và Phạm Trần Như Y, sinh ngày 11/7/2018. Hiện 02 con đang sống với anh C, ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu Phạm Trần Như Y, giao anh C nuôi cháu Phạm Trần Như Q. Chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Phạm Thành C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lY vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh không đến dự phiên tòa cũng không gửi văn bản trình bày Y kiến về việc chị T xin ly hôn với anh. Toà án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng*:

+ Về trình tự, thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Thu T có đơn đề nghị giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Phạm Thành C địa chỉ ấp Mỹ Xuân, xã Tân Trung, thị xã Gò Công, Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Chị Trần Thị Thu T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Phạm Thành C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh vẫn vắng mặt không lY do vì vậy căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh C.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Thu T và anh Phạm Thành C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2019 là hôn nhân hợp pháp. Nay chị T yêu cầu ly hôn cần được xem xét giải quyết theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T. Hội đồng xét xử xét thấy theo chị T cho rằng nguyên nhân do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cuộc sống

vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Hơn nữa, khi chị T xin ly hôn, Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh C không đến để trình bày Y kiến về việc chị T xin ly hôn, chứng tỏ anh C cũng không còn thiết tha hàn gắn tình cảm với chị T.

Xét thấy mâu thuẫn giữa hai bên đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh C là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Trần Như Q, sinh ngày 23/4/2016 và Phạm Trần Như Y, sinh ngày 11/7/2018. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu Phạm Trần Như Y, giao anh C nuôi cháu Phạm Trần Như Q, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị T và anh C sống ly thân nhau, cháu Như Q và Như Y sống với anh C nhưng do hai con đều là bé gái và cháu Như Y hiện còn nhỏ nên cần thiết giao chị T nuôi cháu Như Y để chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh C nuôi cháu Như Q là phù hợp nên căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được trực tiếp nuôi cháu Như Y, giao anh C nuôi cháu Như Q, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có nhưng anh C không đến trình bày Y kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[2.4] Về án phí: Chị Trần Thị Thu T là nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lY và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thu T**.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Thu T được ly hôn với anh Phạm Thành C.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Thu T được trực tiếp nuôi 01 con chung tên Phạm Trần Như Y, sinh ngày 11/7/2018. Anh Phạm Thành C được trực tiếp nuôi 01 con chung tên Phạm Trần Như Q, sinh ngày 23/4/2016.

Anh Phạm Thành C có nghĩa vụ giao cháu Phạm Trần Như Y, sinh ngày 11/7/2018 cho chị Trần Thị Thu T nuôi dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật.

Chị Trần Thị Thu T, anh Phạm Thành C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Thị Thu T, anh Phạm Thành C được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0007159 ngày 15/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gò Công. Như vậy, chị Trần Thị Thu T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Thu T, anh Phạm Thành C có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN THỊ BÍCH LIỄU

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh TG*;
- *VKSND TXGC*;
- *CCTHADS TXGC*;
- *Các đương sự*;
- *UBND xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An*;
- *Lưu án văn, hồ sơ.*